

Số: /QĐ-UBND

Gia Lương, ngày 22 tháng 06 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công khai số liệu quyết toán ngân sách xã Gia Lương năm 2022
Trước kỳ họp thứ sáu HĐND xã khóa XXIV**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ GIA LƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 30/12/2021 của HĐND xã Gia Lương về việc phê chuẩn dự toán ngân sách xã Gia Lương năm 2022;

Xét đề nghị của công chức Tài chính - Kế toán ngân sách xã Gia Lương,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai số liệu Quyết toán ngân sách xã Gia Lương năm 2022 trước kỳ họp thứ năm HĐND xã khóa XXIV, thời gian niêm yết 30 ngày kể từ ngày 22/6/2023

(Có phụ lục kèm theo).

Điều 2: Hình thức công khai: Số liệu quyết toán ngân sách xã Gia Lương năm 2022 được niêm yết công khai tại Trụ sở UBND xã Gia Lương, Đài truyền thanh xã và báo cáo bằng văn bản tới các cấp có thẩm quyền.

Điều 3: Văn phòng HĐND- UBND, Tài chính - Kế toán xã và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính - KH Huyện;
- Thường vụ Đảng ủy;
- Thường trực HĐND;
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu Văn phòng.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Văn Tải

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022*(Quyết toán trình hội đồng nhân dân trước kỳ họp thứ 6)**Đơn vị: 1000 đồng*

NỘI DUNG THU	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
Tổng số thu	14.154.503	Tổng số chi	14.154.503
I. Các khoản thu xã hưởng 100 %	182.582	I. Chi đầu tư phát triển	6.709.697
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	1.001.554	II. Chi thường xuyên	6.115.797
III. Thu bổ sung	12.519.730	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	1.329.009
- Bổ sung cân đối	3.104.000	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	
- Bổ sung có mục tiêu	9.415.730		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước			
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)	450.638		
Kết dư ngân sách			

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Quyết toán trình hội đồng nhân dân trước kỳ họp thứ 6)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu	25.302.866	13.045.915	14.708.951	14.154.503	58,13	108,50
I	Các khoản thu 100%	182.000	182.000	182.582	182.582	100,32	100,32
1	Phí, lệ phí	12.000	12.000	17.017	17.017	141,81	141,81
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	160.000	160.000	162.628	162.628	101,64	101,64
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			2.311	2.311		
5	Thu khác	10.000	10.000	626	626	6,26	6,26
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	13.234.500	977.549	1.556.001	1.001.554	11,76	102,46
1	Các khoản thu phân chia	214.500	214.500	114.427	114.427	53,35	53,35
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	9.000	9.000	46.660	46.660	518,44	518,44
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	5.500	5.500	4.400	4.400	80,00	80,00
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất	200.000	200.000	63.368	63.368	31,68	31,68
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	13.020.000	763.049	1.441.574	887.127	11,07	116,26
2.1	Thu tiền sử dụng đất	13.000.000	747.049	1.266.699	747.049	9,74	100,00
2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
2.3	Thuế tài nguyên						
2.4	Thuế giá trị gia tăng	12.000	9.600	15.379	12.480	128,16	130,01
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
2.6	Thuế thu nhập cá nhân	8.000	6.400	159.496	127.597	1.993,70	1.993,70
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn	366.636	366.636	450.638	450.638	122,91	122,91
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	11.519.730	11.519.730	12.519.730	12.519.730	108,68	108,68
1	Thu bổ sung cân đối	3.104.000	3.104.000	3.104.000	3.104.000	100,00	100,00
2	Thu bổ sung có mục tiêu	8.415.730	8.415.730	9.415.730	9.415.730	111,88	111,88

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022*(Quyết toán trình hội đồng nhân dân trước kỳ họp thứ 6)*

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH QT/DT(%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	12.809.289	6.473.071	6.336.218	14.154.503	7.709.697	6.444.806	110,50	119,10	101,71
	Trong đó:									
1	Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	554.380		554.380	554.380		554.380	100,00		100,00
2	Chi giáo dục	2.886.586	2.886.586		3.121.681	3.121.681		108,14	108,14	
3	Chi y tế									
4	Văn hóa TT-Truyền Thanh	81.700		81.700	81.700		81.700	100,00		100,00
5	Chi thể dục, thể thao	40.000		40.000	40.000		40.000	100,00		100,00
6	Chi bảo vệ môi trường									
7	Chi các hoạt động kinh tế	3.877.362	3.489.962	387.400	3.877.362	3.489.962	387.400	100,00	100,00	100,00
8	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.155.933	96.523	4.059.410	4.069.043	98.054	3.970.989	97,91	101,59	97,82
9	Chi cho công tác xã hội	1.213.328		1.213.328	1.081.328		1.081.328	89,12		89,12
10	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau				1.329.009	1.000.000	329.009			